

Số: 72 /QĐ-TH

An Tây, ngày 22 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách
năm 2024 của Trường Tiểu học An Tây

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 266/QĐ – PGDĐT ngày 28/12/2023 về việc cấp kinh phí hoạt động năm 2024 cho trường tiểu học An Tây.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán (quyết toán) ngân sách năm 2024 của Trường Tiểu học An Tây (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) kế toán, thủ quỹ, Ban Giám hiệu và CBGV-NV thuộc trường Tiểu học An Tây thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng GD Bến Cát ;
- Lãnh đạo nhà trường;
- Lưu :VT, KHTV.



Nguyễn Văn Dũng

UBND THỊ XÃ BẾN CÁT
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 74 /PGDĐT-KHTC

Bến Cát, ngày 16 tháng 01 năm 2024

V/v thẩm tra dự toán ngân sách
nhà nước năm 2024

Kính gửi:

- Kho bạc Nhà nước Bến Cát;
- Trường Tiểu học An Tây.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 266/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (tại Phụ lục II.16);

Căn cứ Tờ trình số 55/TTr-THAT ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Trường Tiểu học An Tây về việc thẩm tra dự toán đầu năm thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho Trường Tiểu học An Tây.

Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Bến Cát có ý kiến như sau:

Thống nhất thẩm tra dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 với số tiền 16.404.593.072 đồng (Mười sáu tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu năm trăm chín mươi ba nghìn không trăm bảy mươi hai đồng).

Trong đó:

- Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13): 12.702.174.520 đồng.

+ Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương viên chức mức 1.490.000 đồng và lương hợp đồng trong biên chế: 8.986.524.520 đồng.

+ Lương hợp đồng Nghị Định 111/2022/NĐ-CP: 720.000.000 đồng.

+ Hoạt động bộ máy sau khi trừ 10% tiết kiệm cải cách tiền lương và huy động nguồn thu (nếu có): 1.895.400.000 đồng.

+ Hoạt động giảng dạy và học tập: 1.100.250.000 đồng.

- Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 14): lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương viên chức mức 310.000 đồng: 1.869.679.598 đồng.

- Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12): 1.832.738.954 đồng.

(Đính kèm thẩm tra dự toán chi tiết)

Đối với các nội dung chi cần phải có ý kiến chấp thuận của cấp có thẩm quyền. Đơn vị phải chủ động xin chủ trương thực hiện các nội dung chi phục vụ công tác chuyên môn, hội nghị,..... và chịu trách nhiệm với số lượng đại biểu, định mức, nội dung chi và thanh quyết toán chứng từ theo các quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KHTC: *1/2*



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Phú Hải
Nguyễn Phú Hải

THẨM TRA DỰ TOÁN NĂM 2024 TRƯỜNG TIỂU HỌC AN TÂY

(Ban hành kèm theo Công văn số 74 /PGDDĐT-KHTC ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Bến Cát)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13 - đã trừ 10% tiết kiệm)	12.702.174.520	
1	Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương viên chức mức 1.490.000 đồng và lương hợp đồng trong biên chế.	8.986.524.520	
2	Lương hợp đồng Nghị Định 111/2022/NĐ-CP.	720.000.000	
3	Chi bộ máy sau khi trừ 10% tiết kiệm cải cách tiền lương và huy động nguồn thu (nếu có).	1.895.400.000	
4	Chi hoạt động giảng dạy và học tập.	1.100.250.000	
II	Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 14): lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương viên chức mức 310.000 đồng.	1.869.679.598	
III	Huy động nguồn thu	0	
1	Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương viên chức mức 310.000 đồng.		
2	Chi bộ máy		
IV	Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	1.832.738.954	
1	Thừa giờ năm học 2023 - 2024	582.144.884	
2	Mua sắm + sửa chữa lớn	0	
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm TSCĐ - CCDC		
3	Hỗ trợ chi phí học tập	13.500.000	
	Số học sinh	10	
	Định mức: số học sinh x 150.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng.	13.500.000	
4	Tiền tết	182.000.000	
	Số CB - GV - CNV:	91	
	Định mức: 2.000.000 đồng/người.	182.000.000	
5	Hỗ trợ theo Nghị quyết 07/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019.	908.697.880	
5.1	Hỗ trợ nhân viên phục vụ	24.000.000	
	- Số người	4	
	- Số tiền (500.000 đồng/người/tháng)	24.000.000	
5.2	Hỗ trợ nhân viên bảo vệ	36.000.000	
	- Số người	5	
	- Số tiền (600.000 đồng/người/tháng)	36.000.000	
5.3	Hỗ trợ tiền trang phục nhân viên bảo vệ	3.000.000	
	- Số người	5	
	- Số tiền (600.000 đồng/2 bộ/người/năm)	3.000.000	
5.4	Hỗ trợ viên chức phụ trách công tác thư viện	4.320.000	
	- Số người	1	

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	2	3	4
	- Số tiền: 0.2 x mức lương cơ sở/người/tháng.	4.320.000	
5.5	Hỗ trợ 30% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có) cho công chức, viên chức, nhân viên có gốc tuyển dụng là giáo viên không trực tiếp giảng dạy,...	136.909.440	
	- Số người		
	- Số tiền:	136.909.440	
5.6	Hỗ trợ "Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11"	12.000.000	
	- Số người	60	
	- Số tiền (200.000 đồng/người)	12.000.000	
5.7	Hỗ trợ công chức, viên chức điều động, phân công công tác ở các địa phương khác nơi đăng ký thường trú	2.700.000	
	- Từ 20km đến 40km	2.700.000	
	+ Số người	3	
	+ Số tiền (100.000 đồng/người/tháng x 12 tháng)	2.700.000	
	- Trên 40km	0	
	+ Số người		
	+ Số tiền (150.000 đồng/người/tháng x 12 tháng)	0	
5.8	Hỗ trợ phổ cập giáo dục	6.480.000	
	- Số người	1	
	- Số tiền: 0.3 x mức lương cơ sở/người/tháng x 12 tháng.	6.480.000	
5.9	Hỗ trợ GVCN, GVBM dạy lớp tiểu học có số học sinh vượt từ 20% trở lên so với số học sinh/lớp theo quy định được hỗ trợ thêm 18 giờ dạy/giáo viên/tháng (9 tháng) năm học 2023 - 2024	683.288.440	
	- Số người		
	+ Số tiền	683.288.440	
6	Lương theo QĐ số 2432/QĐ-UBND ngày 30/8/2023.	94.770.000	
7	Các khoản trích theo lương	22.270.950	
8	Hoạt động	5.000.000	
9	Dự phòng	24.355.240	
TỔNG KINH PHÍ		16.404.593.072	

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm tra dự toán đầu năm thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho Trường TH An Tây

Căn cứ Quyết định số 266/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Bến Cát về việc giao dự toán ngân sách Nhà Nước năm 2024;

Trường Tiểu học An Tây kính đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Bến Cát thẩm tra dự toán đầu năm thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 với tổng kinh phí giao: 16.404.593.072 đồng (Mười sáu tỷ, bốn trăm lẻ bốn triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng.)

I. Ngân sách nhà nước: 16.404.593.072

- Nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: 12.702.174.520 đồng.
- Nguồn kinh phí cải cách tiền lương: 1.869.679.598
- Nguồn kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 1.832.738.954 đồng.

II. Huy động nguồn thu:

(Dự toán chi tiết kèm theo)

Rất mong Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Bến Cát xem xét và thẩm tra dự toán đầu năm thu, chi ngân sách Nhà Nước năm 2024 cho trường Tiểu học An Tây

Trân trọng!

Nơi nhận:

-Phòng Giáo dục - Đào tạo thị xã Bến Cát.

-Lưu: VT, KHTC.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Dũng

Tên đơn vị : TIỂU HỌC AN TÂY
MSĐVQHNS : 1033053

DỰ TOÁN NĂM 2024

Theo Quyết Định số: 266/QĐ- PGDDĐT ngày 28/12/2023

* Tổng số GV : 91 (trong đó BC : 77 GV, HĐ 04, HĐ111 10)

* Tổng số học sinh : 2.445 em Số lớp : 52

Nguồn 13: 12.702.174.520đ Nguồn 14: 1.869.679.598 Nguồn 12 : 1.832.738.954đ

Chi lương 13 : 9.706.524.520 14: 1.869.679.598 chi hoạt động GV: 1.895.400.000
chi cho học sinh: 1.100.250.000

Đơn vị tính : đồng

MỤC	TM	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Thẩm tra của PGD	Ghi chú
I		KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN	12.702.174.520		
A CÁC KHOẢN CHI THANH TOÁN CÁ NHÂN			9.706.524.520		
6000		Chi lương BC và lương HĐ	5.587.830.000		
	6001	Chi lương BC	4.867.830.000		
	6051	Lương 111	720.000.000		
	6757	Lương Hợp đồng ngắn hạn			
6100		Phụ cấp lương	2.577.653.564		
	6101	PC chức vụ	80.460.000		
	6112	PC ưu đãi 35% :	1.636.648.832		
	6113	PC trách nhiệm đội :	16.092.000		
	6115	Vượt khung:	40.612.632		
	6115	thâm niên;	803.840.100		
6300		Các khoản đóng góp	1.541.040.956		
	6301	BHXH : 17.5%	1.150.276.392		
	6302	BHYT : 3%	195.382.282		
	6303	KP công đoàn : 2%	130.254.855		
	6304	BHTN 1%	65.127.427		
			2.995.650.000		
			2.995.650.000		
6200		Tiền thưởng	70.800.000		
	6201	Khen thưởng lớp 400,000đ	20.800.000		
	6249	Khen thưởng thi đua GV	50.000.000		
6400		Các khoản TT cá nhân	409.200.000		
		TTN hàng tháng :			
	6404	Được tính chi trong các hoạt động của từng quý	349.200.000		
	6449	Tiền ngoài trời	60.000.000		
6500		Dịch vụ công cộng	356.000.000		
	6501	Điện sinh hoạt : 40,000,000đ x 8 tháng	320.000.000		
	6504	Vệ sinh môi trường : 3,000,000đ x 12 tháng	36.000.000		
6550		Vật tư văn phòng	300.000.000		
	6551	Văn phòng phẩm	100.000.000		
	6552	Công cụ dụng cụ VP	100.000.000		
	6599	Vật tư văn phòng khác	100.000.000		
6600		Thông tin liên lạc	54.346.400		
	6601	Cước phí điện thoại : 250,000đ x 12 tháng x 4 máy	12.000.000		



	6603	Cước phí bưu chính :	2.000.000		
	6612	Sách báo tạp chí thư viên	12.000.000		
	6605	Cước phí Internet ,thư điện tử	23.546.400		
	6618	Khoản điện thoại HT,KT : 200,000đ x 12 tháng x2	4.800.000		
6700		Công tác phí	123.000.000		
	6701	Tiền tàu xe	50.000.000		
	6702	phụ cấp công tác phí	50.000.000		
	6703	Tiền phòng ngủ	11.000.000		
	6704	Khoản CTP (2gv x 500,000đ x 12 tháng (HT+KT)	12.000.000		
6750		Chi phí thuê mướn	532.000.000		
	6751	Thuê vận chuyển	50.000.000		
	6758	Thuê đào tạo cán bộ	50.000.000		
	6799	thuê mướn khác	432.000.000		
6900		Sửa chữa thường xuyên	640.000.000		
	6906	Sửa chữa máy điều hòa nhiệt độ (10 máy)	100.000.000		
	6907	Nhà cửa	100.000.000		
	6912	Thiết bị tin học	100.000.000		
	6913	Máy Photocopy	50.000.000		
	6916	Máy bơm nước	80.000.000		
	6917	Bảo trì hoàn thiện phần mềm máy tính	10.000.000		
	6921	Đường điện đường cấp thoát nước	100.000.000		
	6949	sửa chữa khác	100.000.000		
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	305.412.600		
	7001	Hàng hóa vật tư CM	80.000.000		
	7003	Mua ,in ấn tài liệu chuyên môn	50.000.000		
	7004	Đồng phục ,trang phục	20.000.000		
	7006	Sách tài liệu dùng cho chuyên môn	50.000.000		
	7049	Chi phí khác	105.412.600		
7750		Chi khác	204.291.000		
	7761	* chi tiếp khách :	2.800.000		
		* Nước uống hội nghị 3 hội nghị x 91 x 30,000đ/ người	8.190.000		
		* Nước uống GV : 3,000đ x 91gv x12 tháng	3.276.000		
	7799	Các khoản chi khác			
		* Phân bón ,thuốc diệt cỏ :	20.000.000		
		* Hội khỏe Phù Đổng	30.000.000		
		* Y tế học đường	110.025.000		
		* Chi thị 40 THPTHSTC	30.000.000		
7850		Chi cho công tác Đảng	600.000		
	7899	Trợ cấp bí thư	600.000		
II	Nguồn cải cách tiền lương (14)		1.869.679.598		
6000		Chi lương BC và lương HĐ	1.012.770.000		
	6001	Chi lương BC	1.012.770.000		
	6051	Lương 68			
	6757	Lương Hợp đồng ngắn hạn			
6100		Phụ cấp lương	573.687.244		
	6101	PC chức vụ	16.740.000		
	6112	PC ưu đãi 35% :	377.907.736		
	6113	PC trách nhiệm đội :	3.348.000		
	6115	Vượt khung:	8.449.608		
	6115	thâm niên;	167.241.900		

6300		Các khoảng đóng góp	283.222.354		
	6301	BHXH : 17.5%	210.910.264		
	6302	BHYT : 3%	36.156.045		
	6303	KP công đoàn : 2%	24.104.030		
	6304	BHTN 1%	12.052.015		
III	Nguồn kinh phí thực hiện không tự chủ(12)		1.832.738.954		
6000		Chi lương	94.770.000	✓	
	6051	Chi lương HD theo QĐ 2432/QĐ-UBND	94.770.000		
6100		Phụ cấp lương	582.144.884	✓	
	6106	PC thêm giờ thêm buổi	582.144.884		
6300		Các khoảng đóng góp theo QĐ 2432/QĐ-UBND	22.270.950	✓	
	6301	BHXH : 17.5%	16.584.750		
	6302	BHYT : 3%	2.843.100		
	6303	KP công đoàn : 2%	1.895.400		
	6304	BHTN 1%	947.700		
6400		Các khoản thanh toán cá nhân	207.709.440		
	6449	TC ưu đãi 30% :	136.909.440	✓	
	6449	TC nhân viên bảo vệ : 600,000đ x 12 tháng x 3 người	36.000.000	✓	
	6449	TC nhân viên phục vụ : 500,000đ x 12 tháng * 2 người	24.000.000	✓	
	6449	* Hỗ trợ công tác thư viện (0,2*1800000*6)+(0,2*1490000*6)	4.320.000	✓	
	6449	Hỗ trợ PC phổ cập xóa mù	6.480.000	✓	
6550		Vật Tư Văn Phòng	5.000.000	✓	
	6599	Vật Tư Văn Phòng khác	5.000.000		
6750		Chi phí thuê mượn	0		
	6758	Thuê đào tạo cán bộ			
6900		Sửa chữa	-		
7049		Chi phí nghiệp vụ CM	3.000.000	✓	
	7001	Mua sách giáo khoa			
	7004	Đồng phục bảo vệ 600,000 x 5 bv	3.000.000		
7750		Chi khác	917.843.680		
	7799	* Lễ 20 / 11 : 200,000đ x 91gcvnv	12.000.000	✓	
		* Trợ cấp khác địa bàn : 100,000đ x 1gv x 9 tháng	2.700.000	✓	
		* Trợ cấp nhà trọ: 0.7*1490*2gv*12			
		* Tiền tết : 2.000,000đ	182.000.000	✓	
		* Hỗ trợ chi phí học tập 15hs x 100.000 x 9thang	13.500.000	✓	
		* Hỗ trợ Nghị Quyết 07/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Dương)	683.288.440	✓	
		* chi tiền mua rìu, xà ben, búa, quần áo, mặt nạ, kim cộng lực PCCC	24.355.240		K' thiên Du phay
9000		Mua sắm tài sản	-		

Tổng chi ngân sách năm 2024 :

16.404.593.072

An Tây ,ngày 15 tháng 01 năm 2024

Thẩm tra của Phòng Giáo Dục

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng